

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 88/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Hải L; ĐKKHKT: Số 571 Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: 1987 31 Ave, San Francisco, CA 94116, Hoa Kỳ; vắng mặt;

Bị đơn: Chị Đặng Thị Ngọc N; ĐKKHKT: 83T4 Đình Hạ, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số 4b/59 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là anh Trần Hải L trình bày:

Anh và chị Đặng Thị Ngọc N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào năm 2017. Nay do cuộc sống của anh chị thay đổi, anh L sống ở Hoa Kỳ, chị N sống ở Việt Nam nên hai vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, không hiểu nhau. Do

vậy, anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Trần Đăng Gia H, sinh ngày 17/12/2012 hiện đang sinh sống cùng với anh L tại Hoa Kỳ. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh L không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn nhà số 4b/59 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng là tài sản riêng của chị N, không liên quan gì đến anh L.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 6 năm 2023, chị Đặng Thị Ngọc N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Ngọc N và anh Trần Hải L chung sống với nhau từ năm 2012 và có con chung là cháu Trần Đăng Gia H, đến ngày 20/6/2017 chị N và anh L mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, anh L và chị N chung sống cùng nhau ở nhà bố mẹ đẻ của anh L từ năm 2012 tại địa chỉ: 571 Đường 5 cũ, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến tháng 11 năm 2016, anh L cùng con chung là cháu H sang Hoa Kỳ sinh sống và làm việc. Anh L có nói sau khi anh L đi khoảng một năm sẽ làm giấy tờ cho chị sang Hoa Kỳ cùng anh L và con. Giữa năm 2017, anh L đưa con về học lớp 1 ở Hải Phòng nửa năm sau đó lại đưa con sang Hoa Kỳ học. Mỗi năm anh L đều về thăm chị N một lần tuy nhiên đến năm 2019 do dịch bệnh covid-19 nên anh L không về được Việt Nam và cũng không làm được giấy tờ cho chị N. Do khoảng cách địa lý xa xôi nên từ năm 2020, vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Chị N và anh L đều có cái tôi cao nên cũng không ai muốn hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Hiện nay, anh L có đơn xin ly hôn với chị, chị N đồng ý ly hôn với anh L do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Hiện cháu Trần Đăng Gia H đang sinh sống cùng anh L ở Hoa Kỳ nên chị N đồng ý giao con chung là cháu Trần Đăng Gia H, sinh ngày 17/12/2012 cho anh L trực tiếp cho đến khi cháu đủ 18 tuổi với điều kiện anh L không được quyền cản trở cho chị được thăm nom, liên lạc với con. Mỗi năm, anh L phải cho cháu Trần Đăng Gia H về Việt Nam một lần để chị N được gặp và chăm sóc con. Về cấp dưỡng nuôi con, anh L không yêu cầu chị cấp dưỡng nên chị không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Chị N và anh L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn nhà số 4b/59 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng là tài sản riêng của chị N, không liên quan gì đến anh L.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật

Tổ tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hải L được ly hôn chị Đặng Thị Ngọc N. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Đặng Gia H, sinh ngày 17/12/2012 cho anh Trần Hải L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, chị N không có ý kiến gì nên đề nghị không giải quyết. Về tài sản chung: Anh Trần Hải L và chị Đặng Thị Ngọc N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên đề nghị không giải quyết. Ngoài ra đề nghị tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn là chị Đặng Thị Ngọc N đang sinh sống ở Hải Phòng, nguyên đơn anh Trần Hải L hiện nay đang sinh sống tại Hoa Kỳ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là anh Trần Hải L và bị đơn là chị Đặng Thị Ngọc N vắng mặt nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Hải L và chị Đặng Thị Ngọc N theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện anh L và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào năm 2017. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn, nhận thấy: Sau khi kết hôn, anh L và chị N chung sống hạnh phúc đến khi anh L sang Hoa Kỳ sinh sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã ly thân trong thời gian dài. Nay anh L yêu cầu xin ly hôn với chị N, chị N đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn với nhau. Xét thấy, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn

nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Hải L đối với chị Đặng Thị Ngọc N.

[4] Về con chung: Anh L và chị N cùng thống nhất khi ly hôn, yêu cầu Tòa án giao con chung là cháu Trần Đặng Gia H, sinh ngày 17/12/2012 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Trần Đặng Gia H có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với anh L nếu bố mẹ cháu ly hôn. Do vậy, yêu cầu về việc nuôi con chung của anh chị là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận, giao con chung là cháu Trần Đặng Gia H, sinh ngày 17/12/2012 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh L và chị N phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh L và chị N không yêu cầu giải quyết nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh chị về việc tạm thời không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh L và chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét, giải quyết. Anh chị trình bày căn nhà số 4b/59 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng là tài sản riêng của chị N và không có tranh chấp, yêu cầu gì liên quan đến căn nhà này nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Hải L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Anh Trần Hải L và chị Đặng Thị Ngọc N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hải L được ly hôn chị Đặng Thị Ngọc N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Đăng Gia H, sinh ngày 17/12/2012 cho anh Trần Hải L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Trần Hải L và chị Đặng Thị Ngọc N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Hải L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006533 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Trần Hải L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Chị Đặng Thị Ngọc N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp